

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 58/2022/HS-PT

Ngày 20 - 5 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu.

Các Thẩm phán: Ông Bích Văn Nhiên và bà Trần Thị Thiên Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ A5 số: 21/2022/TLPT-HS ngày 24 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Lê Minh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 108/2021/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Z.

- Bị cáo có kháng cáo: LÊ MINH T, sinh năm 1983, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Khu phố X 2, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn L, sinh năm 1957 và bà Khuê Thị Kim K, sinh năm 1959; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Bị cáo có vợ tên Phan Trần Thiên K1, sinh năm 1985 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn A1, sinh năm 1962;

2/ Bà Đặng Thị A2, sinh năm 1958 (vợ ông A1);

3/ Ông Nguyễn A3, sinh năm 1969;

4/ Bà Nguyễn Thị A4, sinh năm 1965 (vợ ông A3);

5/ Bà Huỳnh Thị A5, sinh năm 1954;

6/ Bà Trần Thị A6, sinh năm 1955;

7/ Ông Nguyễn A7, sinh năm 1975;

8/ Bà Trần Thị A2, sinh năm 1974 (vợ ông Được);

9/ Ông Đặng Ngọc A8, sinh năm 1950;

10/ Bà Nguyễn Thị Thanh A9, sinh năm 1953 (vợ ông A8);

11/ Ông Phạm Văn A10, sinh năm 1962;

12/ Bà Nguyễn Thị A2, sinh năm 1962 (vợ ông A10);

13/ Ông Trương Ngọc A11, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Thôn X1, xã Y1, huyện Z, tỉnh Bình Thuận.

14/ Ông Trần Văn A12, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn X2, xã Y2, huyện Z, tỉnh Bình Thuận.

15/ Bà Võ Thị Tuyết A4, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 89 đường N, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn A13, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 7, phường X3, thành phố Z1, tỉnh Bình Thuận

16/ Ông Nguyễn Đức A14, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn X4, xã Y1, huyện Z, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt bà A9, ông A11, ông A12 và ông A14, còn những người khác có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các A11 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh T là cán bộ địa chính, công tác tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Y, huyện Z; từ năm 2005 đến tháng 11/2019, Lê Minh T được Chủ tịch UBND thị trấn Y giao nhiệm vụ như: Xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hòa giải tranh chấp đất đai, thống kê, kiểm kê, quy hoạch, A11 nguyên khoáng sản. Ngoài ra còn thực hiện một số công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch UBND thị trấn Y, trong đó có nhiệm vụ trực tiếp đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện Z nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về cấp phát cho các hộ dân theo quy định. Vào năm 2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận có dự án 920 về việc đo đạc chỉnh A5 bản đồ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh. Sau khi thống nhất ngày, giờ đo đạc, T đi cùng Võ Tùng Kha (cán bộ đo đạc dự án 920), Trương Ngọc A11 (người môi giới mua bán đất) và một số hộ dân có đất tại Động Đỏ thuộc khu vực thị trấn Y đến thực địa để chỉ ranh giới đo đạc đất. Sau khi đo đất tại

thực địa về thì Trương Ngọc A11 đến Ủy ban nhân dân thị trấn Y gặp T trao đổi, nếu hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân ở xã Y1 có đất tại Động Đỏ thuộc khu vực thị trấn Y có sai sót gì thì T thông báo cho A11 biết để A11 bổ sung thông tin vì A11 đã mua đất của các hộ dân này, khi nào có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân thì T thông báo cho A11 đến nhận, A11 sẽ trả thù lao cho T, nghĩ A11 là bạn của Nguyễn Đức A14 – giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai (CNVPĐKĐĐ) huyện Z nên T đồng ý. Đến ngày 28/5/2015, T đến CNVPĐKĐĐ Z gặp Nguyễn Thị Tân Vi (nhân viên CNVPĐKĐĐ Z) nhận 29 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 24 hộ dân. Sau khi nhận 29 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì T không thông báo cho các hộ dân biết để đến nhận theo quy định mà T cất giữ tại phòng làm việc. Đến ngày hôm sau thì Trương Ngọc A11 đến Ủy ban nhân dân thị trấn Y gặp T, A11 nói với T cho A11 nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân ở xã Y1 vì A11 đã mua đất của họ, T nghĩ A11 là bạn của A14 và tin tưởng A11 nên không thẩm tra thông tin mà giao toàn bộ 29 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 24 hộ dân ở xã Y1 (trong đó có 08 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 07 hộ dân không đồng ý bán đất cho A11, gồm: Nguyễn Văn A1, Nguyễn A3, Huỳnh Thị A5, Trần Thị A6, Nguyễn A7, Đặng Ngọc A8, Phạm Văn A10) cho A11 mà không lập thủ tục giao nhận, A11 nhận lấy nhưng không đưa thù lao cho T như đã hứa trước đó mà A11 nói với T: “để tính sau” rồi A11 đi về. Cho đến nay, A11 vẫn chưa trả tiền thù lao như A11 đã hứa với T. Sau khi nhận 29 giấy CNQSDĐ từ T, A11 giao lại cho Trần Văn A12 để chuyển giao cho bà Võ Thị Tuyết A4 là người mua đất trú tại thành phố Hồ Chí Minh, đến nay 08 giấy chứng nhận QSDĐ của 07 hộ dân nêu trên không thu hồi được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 108/2021/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Z, quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh T phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh T 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử A5 vật chứng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/12/2021, bị cáo Lê Minh T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 17/01/2022, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm

07 hộ dân thôn X1, xã Y1 có đơn không đồng ý kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Minh T. Đề nghị cấp phúc thẩm y án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Minh T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều thống nhất đề nghị xem xét cho bị cáo T được hưởng án treo, chỉ có 02 người đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Minh T về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình A11 liệu thể hiện bị cáo có ông ngoại, cậu ruột được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân A3 kháng chiến hạng 3; gia đình ông ngoại bị cáo được tặng bằng vàng gia đình danh dự; cậu ruột bị cáo là liệt sỹ. Đây là tình A8 mới chưa được xem xét ở Tòa cấp sơ thẩm. Tuy nhiên xét thấy bị cáo là công chức nhà nước, phạm tội với lỗi cố ý. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nhân thân và áp dụng các tình A8 giảm nhẹ TNHS cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt mức án 12 tháng tù là đã có sự chiếu cố, khoan A2. Do đó việc bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các A11 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy đơn kháng cáo của bị cáo Lê Minh T được làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Minh T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với các A11 liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng, không oan.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Minh T: Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội với lỗi cố ý, chỉ vì lời hứa trả thù lao khi được nhận các giấy chứng nhận QSDĐ từ Trương Ngọc A11. Đồng thời theo bị cáo, vì cả nể, tin tưởng Nguyễn Đức A14, giám đốc Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ Z nên bị cáo đã giao 29 giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất của 24 hộ dân xã Y1 cho Trương Ngọc A11, trong đó có 08 giấy chứng nhận QSDĐ của 07 hộ dân không thỏa thuận và không đồng ý bán đất cho Trương Ngọc A11. Sau khi nhận giấy CNQSDĐ từ T, A11 giao lại cho Trần Văn A12 để chuyển giao cho bà Võ Thị Tuyết A4 là người mua đất trú tại thành phố Hồ Chí Minh, đến nay 08 giấy chứng nhận QSDĐ của 07 hộ dân nêu trên không thu hồi được. Hành vi giao 29 giấy CNQSDĐ được Nhà nước công nhận cho 24 hộ dân của bị cáo cho Trương Ngọc A11 là hành vi trái pháp luật, sai quy trình trong thực hiện nhiệm vụ theo chức trách, nhiệm vụ được giao. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan quản A5 hành chính nhà nước mà còn trực tiếp xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của 07 hộ dân trong việc thực hiện quyền của người sử dụng đất được Nhà nước công nhận trong nhiều năm qua.

Hành vi của bị cáo đã gây dư luận xấu, gây khiêu nại, tố cáo bức xúc của các hộ dân kéo dài, làm ảnh hưởng đến uy tín, làm giảm sút lòng tin của nhân dân vào cơ quan Nhà nước. Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử đã căn cứ vào nhân thân và áp dụng các tình A8 giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và tuyên phạt bị cáo mức án 12 tháng tù là thỏa đáng, không nặng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình A11 liệu thể hiện bị cáo có ông ngoại, cậu ruột được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân A3 kháng chiến hạng 3; gia đình ông ngoại bị cáo được tặng Bằng vàng gia đình danh dự; cậu ruột bị cáo là liệt sỹ; gia đình bị cáo là người thờ cúng liệt sỹ, có công với cách mạng. Đây là tình A8 mới chưa được xem xét ở Tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, tình A8 này là tình A8 giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khi xét xử bị cáo. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc loại tội phạm nghiêm trọng về chức vụ, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là đã có sự chiếu cố, khoan A2 . Do đó để đảm bảo đúng nguyên tắc xử A5 tội phạm về chức vụ và nhằm răn đe, phòng ngừa chung thì cần thiết phải giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Bác kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là đúng quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Minh T và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2021/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân

dân huyện Z.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh T phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh T 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Minh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 20/5/2022)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện; VKSND huyện Z;
- TAND huyện Z;
- Chi cục THADS huyện Z;
- UBND xã Y1, huyện Z;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Tổ HCTP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Phước Hiệu